TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST
Ngày 13 tháng 10 năm 2020
"V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam**; Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- Chức vụ: Tổng Giám Đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn P - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: khu 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1973; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Đỗ Trung K, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Đỗ Trung K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H là khách hàng vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) từ năm 2015, Ngân hàng đã nhiều lần cho ông bà K, H vay tiền và ông bà cũng đã trả nợ, đổi sổ vay vốn nhiều lần, ngày 19/4/2018 Ngân hàng và ông Đỗ Trung K có ký Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 77/HĐTD, theo đó hai bên thỏa thuận Ngân hàng cho ông Đỗ Trung K vay hạn mức tín dụng là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Mục đích vay là để kinh doanh hàng tạp hóa và ô tô cũ, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng; Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn đã thỏa thuận, lãi suất chậm trả là 10,0%/năm. Tại giấy nhận nợ ngày 19/4/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho anh K nhận số tiền vay là 400.000.00 đồng gốc, thời hạn vay 06 tháng, hạn trả nợ gốc là ngày 19/10/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên tại Ngân hàng, vợ chồng ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 107/HĐTC ngày 15/12/2015 với Ngân hàng, tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất số 79 tờ bản đồ số 10 diện tích 260, 5m^2 ở thôn Đ, xã B, huyện V, Vĩnh Phúc, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H cùng tài sản trên đất là 1 nhà xây 2 tầng khép kín diện tích sử dụng khoảng 200m^2 cùng toàn bộ công trình trên đất. Tài sản thế chấp là của vợ chồng ông K, bà H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Trung K đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 19/10/2018 đến hạn trả nợ gốc ông K không trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 13/10/2020 ông K, bà H đã trả nợ cho Ngân hàng được 70.100.000 đồng gốc và 2.846.667 đồng tiền lãi. Ông K bà H còn nợ của Ngân

hàng tổng số tiền là 453.046.680đ trong đó gốc là: 329.900.000đ và lãi là: 123.146.680đ (trong đó lãi trong hạn là 87.691.120đ và lãi quá hạn là 35.455.560đ).

Ngày 15/9/2020 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Đỗ Trung K, bà Nguyễn Thị H đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên sau đó ông K có đơn xin thay đổi không đồng ý với việc thỏa thuận nộp tiền chi phí tố tụng và tiền án phí nên Ngân hàng cũng không đồng ý thỏa thuận với vợ chồng ông K nữa.

Quan điểm của Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Yêu cầu buộc ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 453.046.680đ trong đó gốc là: 329.900.000đ và lãi tính đến ngày 13/10/2020 là: 123.146.680đ (trong đó lãi trong hạn là 87.691.120đ và lãi quá hạn là 35.455.560đ).

Ông K và bà H tiếp tục phải trả lãi theo đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/10/2020 cho đến ngày ông K và bà H thanh toán trả hết nợ cho Ngân hàng; Trường hợp ông K và bà H không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký với Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đỗ Trung K đối với Ngân hàng. Ngoài ra Ông K, bà H phải chịu toàn bộ chi phí án phí và các chi phí liên quan đến việc tố tụng và chi phí thi hành án.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị tuyên trong bản án Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Trung K, bà Nguyễn Thị H trong trường hợp xử lý hết tài sản sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các buổi làm việc ông K, bà H trình bày: Ông bà thừa nhận có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 400 triệu đồng gốc theo hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Ông bà cũng thừa nhận đã vi phạm không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng đã ký với Ngân hàng là do kinh tế khó khăn nên ông bà không có khả năng thanh toán trả nợ ngay cho Ngân hàng. Ông K bà H thừa nhận còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi theo như cách tính của Ngân hàng là đúng, ông bà không có ý kiến thắc mắc gì. Ông bà xin được trả nợ dần cho đến hết năm 2021 sẽ trả hết nợ cho Ngân hàng. Sau khi ông bà trả nợ gốc cho ngân hàng thì vợ chồng ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi suất cho ông bà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn quá trình chuẩn bị xét xử đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP - TANDTC. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 13/10/2020 là 453.046.680đ trong đó gốc là 329.900.000đ và lãi là 123.146.680đ (lãi trọng hạn 87.691.120đ + lãi quá hạn 35.455.560đ). Ông K bà H tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nghĩa vụ phải thi hành theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 14/10/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

Căn cứ các điều 293, 294, 299, khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự năm 2015 trường hợp ông K và bà H không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị tuyên trong bản án Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Trung K, bà Nguyễn Thị H trong trường hợp xử lý hết tài sản sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 156 BLTTDS, Ngân hàng là người có yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ nên việc Ngân hàng nộp tạm ứng chi phí tố tụng là đúng. Tuy nhiên, các bên đương sự không có thỏa thuận khác, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông K, bà H phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157 BLTTDS. Đề nghị HĐXX quyết định về chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 1 điều 158 BLTTDS.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là ông K, bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326. Ông K là con liệt sỹ, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên đề nghị HĐXX chấp nhận đề nghị, quyết định miễn tiền án phí cho ông K. Bà H phải chịu phần án phí là 1/2 của nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng 453.046.680đ là 50% x (20.000.000 + 4% x 53.046.680) = 11.060.934đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án ông K và bà H đều có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

Đối với ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông K và bà H đều vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K và bà H là đúng trình tự pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đỗ Trung K ký Hợp đồng tín dụng vay tiền để mục đích kinh doanh hàng tạp hóa và ô tô cũ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh Nguyễn Thị H (K) cấp ngày 24/11/2010 với ngành nghề kinh doanh là Mua bán hàng tạp hóa. Do đó quan hệ tranh chấp

được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam và ông Đỗ Trung K ký kết hợp đồng tín dụng số 77/HĐTD ngày 19/4/2018 trong đó Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam là một tổ chức tín dụng. Do vậy các quy định pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án này là Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam đối với ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về hợp đồng tín dụng: Giữa Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam và ông Đỗ Trung K và Ngân hàng có thỏa thuận ký với nhau hợp đồng tín dụng số 77/HĐTD ngày 19/4/2018, giấy nhận nợ ký ngày 19/4/2018, theo đó Ngân hàng cho ông K vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng ông K, bà H trả nợ cho Ngân hàng được 70.100.000 đồng gốc và 2.846.667 đồng tiền lãi. Ông K bà H đã vi phạm Hợp đồng không trả nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký. Hiện nay ông K và bà H còn nợ Ngân hàng tổng số 453.046.680đ trong đó gốc là: 329.900.000đ và lãi tính đến ngày 13/10/2020 là: 123.146.680đ (trong đó lãi trong hạn là 87.691.120đ và lãi quá hạn là 35.455.560đ). Do ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cho nên việc Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông K và bà H phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 453.046.680đ trong đó gốc là: 329.900.000đ và lãi tính đến ngày 13/10/2020 là: 123.146.680đ (trong đó lãi trong hạn là 87.691.120đ và lãi quá hạn là 35.455.560đ) và tiền lãi phát sinh trên nghĩa vụ phải thi hành án theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/10/2020 cho đến khi tất toán khoản vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần được chấp nhận.

Khi ký Hợp đồng tín dụng chỉ có ông Đỗ Trung K ký hợp đồng là người vay tiền nhưng ông K và bà H đều thừa nhận việc vay tiền là để sử dụng vào hoạt động kinh doanh của gia đình, bản thân ông bà đều ký hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông K tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín

dụng đã ký. Do đó cần xác định là nợ chung của vợ chồng và buộc vợ chồng ông K, bà H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Xét hợp đồng thế chấp số 107/HĐTC ngày 15/12/2015 thấy rằng: Ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên ông bà, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Tường và có đăng ký thế chấp ngày 15/12/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất số 79 tờ bản đồ số 10 diện tích 260, 5m^2 ở thôn Đồi, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H, trên đất có 1 nhà xây 2 tầng khép kín diện tích sử dụng mỗi tầng là 81,4m^2 cùng toàn bộ công trình trên đất bao gồm diện tích bếp là 44,7m^2 và diện tích mái tôn là 60,5m^2 (Theo sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 04/9/2020). Toàn bộ tài sản thế chấp đều có trước thời điểm thế chấp, khi thế chấp ông K và bà H đều tự nguyện. Do đó Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, vì vậy Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông K bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì tài sản đã thế chấp đứng tên ông K bà H sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các điều khoản của hợp đồng thế chấp tài sản là phù hợp với quy định tại các Điều 293, Điều 294, Điều 299 và khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị tuyên trong bản án Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Trung K, bà Nguyễn Thị H trong trường hợp xử lý hết tài sản sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Xét thấy việc Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[5]. Về chi phí tố tụng: Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự buộc ông K bà H phải nộp là 5.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng để hoàn trả cho Ngân hàng.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí là: 20.000.000đồng +4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng. Do vậy án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải chịu là 22.122.000 đồng tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Kỷ phần của ông Đỗ Trung K là 11.061.000 đồng, kỷ phần của bà Nguyễn Thị H là 11.061.000 đồng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đỗ Trung K là thân nhân liệt sỹ và có đơn xin miễn nộp tiền án phí (có xác nhận của UBND xã B), do vậy ông Đỗ Trung K được miễn nộp tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào các Điều 293, Điều 294, Điều 299 và khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Trung K, bà Nguyễn Thị H trong trường hợp xử lý hết

tài sản sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam: Buộc ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền gốc lãi là 453.046.680đ trong đó gốc: 329.900.000đ và lãi tính đến ngày 13/10/2020 là: 123.146.680đ (trong đó lãi trong hạn là 87.691.120đ và lãi quá hạn là 35.455.560đ).

Kể từ ngày 14/10/2020 ông Đỗ Trung K, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi suất phát sinh của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 77/HĐTC ngày 19/4/2018 cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đỗ Trung K, bà Nguyễn Thị H không nộp tiền trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 107/HĐTC ngày 15/12/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất số 79 tờ bản đồ số 10 diện tích 260, 5m^2 ở thôn Đồi, xã B, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất bao gồm: 01nhà xây 2 tầng khép kín diện tích sử dụng mỗi tầng là 81,4m^2 cùng toàn bộ công trình trên đất bao gồm diện tích bếp là 44,7m^2 và diện tích mái tôn là 60,5m^2 (Theo sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 04/9/2020)

4. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng để hoàn trả cho Ngân hàng tiền chi phí tố tụng do Ngân hàng đã nộp cho Tòa án.

4. Về án phí: Ông Đỗ Trung K được miễn nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H phải nộp 11.061.000đồng (Mười một triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.936.000đ (Mười triệu, chín trăm ba mươi

sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005083 ngày 06/7/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải